

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHI LĂNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST
Ngày 06-4-2023
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHI LĂNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phan Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phùng Thị Thu;

Ông Chu Văn Tiếp.

- Thư ký phiên toà: Bà Vy Thị Mai Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 02/2023/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 01 năm 2023, về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Văn D, sinh năm 1993; địa chỉ: Khu C, thị trấn C, thị trấn C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Đỗ Thị T1, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn Đ, xã C, thị trấn C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 01 năm 2023, các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Trần Văn D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đỗ Thị T1 được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục cổ truyền đầu năm 2017; đăng ký kết hôn ngày 28 tháng 12 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, thị trấn C, tỉnh Lạng Sơn. Sau kết hôn, chị Đỗ Thị T1 chưa nhập hộ khẩu về gia đình anh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 01 năm đầu, sau đó từ năm 2017 thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn về vấn đề kinh tế gia đình, không có tiếng nói chung, từ đó dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng về tình cảm vợ chồng không hòa hợp, không có hạnh phúc hôn nhân, mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên bảo hòa giải nhưng vợ chồng không thể khắc phục được mâu thuẫn. Vợ chồng chính thức ly thân từ tháng 4 năm 2018 cho đến nay, chị Đỗ Thị T1 chuyển về nhà ngoại tại ở Thôn Đ, xã C, thị trấn C sinh sống, mỗi người ở một nơi, còn không còn quan tâm đến nhau. Nay anh xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể hàn gắn tình cảm, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, vì không còn tình cảm vợ chồng với chị Đỗ Thị T1 nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Đỗ Thị T1 không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Đỗ Thị T1: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không lấy được lời khai cũng như tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tòa án đã tiến hành xác minh với chị Đỗ Thị T2 (chị gái ruột chị Đỗ Thị T1) về nơi cư trú, mâu thuẫn vợ chồng; xác minh với Công an xã Chi Lăng, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn về nơi cư trú của chị Đỗ Thị T1. Chị Đỗ Thị T2 cho biết: Sau khi kết hôn chị Đỗ Thị T1 không nhập khẩu vào gia đình nhà chồng, hiện vẫn cùng hộ khẩu, nơi cư trú với chị, chưa chuyển hộ khẩu đi nơi khác; vợ chồng chung sống được một năm thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn về vấn đề kinh tế gia đình dẫn đến tình cảm rạn nứt, không hàn gắn được nên chị Đỗ Thị T1 đã chuyển về nhà ngoại sinh sống và vợ chồng cũng ly thân từ năm 2017 đến nay, không ai còn quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án chị đã nhận các văn bản tố tụng do Tòa án tổng đạt đến cho chị Đỗ Thị T1 và đã thông báo đến cho chị Đỗ Thị T1 được biết, do hiện tại chị Đỗ Thị T1 đang đi làm nên không thể về để giải quyết ly hôn được, chị Đỗ Thị T1 cũng cho biết chị Đỗ Thị T1 nhất trí ly hôn với anh Trần Văn D.

Công an xã Chi Lăng, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn cho biết: Chị Đỗ Thị T1, sinh ngày 28-06-1993, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn Đ, xã C, thị trấn C, tỉnh Lạng Sơn, hiện nay vẫn cư trú tại Thôn Đ, xã C, thị trấn C, tỉnh Lạng Sơn, chưa chuyển hộ khẩu đi nơi khác.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật: Về tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự; Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện

đúng quy định pháp luật. Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn D, do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của anh Trần Văn D là có căn cứ; về con chung, tài sản chung, nợ chung do không có, không đề nghị xem xét giải quyết. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án gồm: Giấy chứng nhận kết hôn, giấy tờ tùy thân, các biên bản giao nhận văn bản tố tụng; biên bản xác minh với chị Đỗ Thị T1 hảo và biên bản xác minh với Công an xã Chi Lăng cùng ngày 06-3-2023; biên bản kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và thông báo kết quả kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ của Tòa án.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và các tình tiết mà các bên đã thống nhất: Anh Trần Văn D và chị Đỗ Thị T1 có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Trần Văn D có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về ly hôn, bị đơn chị Đỗ Thị T1 có hộ khẩu thường trú tại Thôn Đ, xã C, thị trấn C, tỉnh Lạng Sơn nên xác định vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy tại phiên tòa, đương sự đều vắng mặt, trong đó nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn D và chị Đỗ Thị T1 kết hôn có đăng ký kết hôn ngày 28 tháng 12 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, thị trấn C, tỉnh Lạng Sơn trên cơ sở tự nguyện, nên cuộc hôn nhân này là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, do mâu thuẫn về kinh tế gia đình giữa vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên bất đồng quan điểm, không hòa hợp, anh chị đã sống ly thân nhau, không còn quan tâm, yêu thương, tôn trọng nhau, không thể khắc phục được mâu thuẫn. Điều này phù hợp với nội dung xác minh của Tòa án với chị Đỗ Thị T2 (chị gái ruột chị Đỗ Thị T1) về mâu thuẫn của vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài,

mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của anh Trần Văn D là có căn cứ quy định tại Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Không có, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Anh Trần Văn D phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; các Điều 266, 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Văn D được ly hôn với chị Đỗ Thị T1.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Anh Trần Văn D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước. Xác nhận anh Trần Văn D đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0003259 ngày 10 tháng 01 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị trấn C, tỉnh Lạng Sơn.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng;
- Chi cục Thi hành án dân sự thị trấn C;
- UBND thị trấn C, thị trấn C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Thanh Huyền